ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỘI TUYỂN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP QUẬN (VÒNG 1)
NĂM HỌC 2022 - 2023

STT	Môn	Tên trường	Họ lót	Tên	Lớp	Nơi sinh	Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	Ghi chú
1	Ngữ văn	THCS Bàn Cờ	Đặng Lý Anh	Thư	9/5	TPHCM	26	4	2008	
2	Ngữ văn	THCS Lê Quý Đôn	Hoàng Nguyễn Phương	Anh	9_05	TPHCM	29	4	2008	
3	Ngữ văn	THCS Lê Quý Đôn	Lê Trí	Bảo	9_11	TPHCM	12	7	2008	
4	Ngữ văn	THCS Kiến Thiết	Lê Nguyễn Mai	Lâm	9A1	TPHCM	28	12	2008	
5	Ngữ văn	THCS Kiến Thiết	Lê Tuấn Phát	Triển	9A2	Quảng Ngãi	9	2	2008	
6	Ngữ văn	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Lê Kỳ	Duyên	9_08	Quảng Ngãi	23	11	2008	
7	Ngữ văn	THCS Bàn Cờ	Quách Hồng	Phương	9/8	TPHCM	15	10	2008	
8	Ngữ văn	THCS Colette	Trương Nguyễn Thanh	Tâm	91	TPHCM	8	3	2008	
9	Ngữ văn	THCS Lê Lợi	Phan Hoài Gia	Thịnh	9-6	TPHCM	10	6	2008	
10	Ngữ văn	THCS Lê Quý Đôn	Trần Phương	Vy	9_11	TPHCM	9	12	2008	
11	Ngữ văn	THCS Kiến Thiết	Nguyễn Xuân	Toại	9A3	TPHCM	20	2	2008	
12	Ngữ văn	THCS Lê Lợi	Trang Lâm	Giang	9-9	TPHCM	20	12	2008	
13	Ngữ văn	THCS Kiến Thiết	Huỳnh Thị Ngọc	Hà	9A3	TPHCM	3	2	2008	
14	Ngữ văn	THCS Colette	Trần Hồng Bảo	Thy	95	TPHCM	4	1	2008	
15	Ngữ văn	THCS Lê Lợi	Huỳnh Thị Cẩm	Tú	9-4	TPHCM	29	9	2008	
16	Ngữ văn	THCS Lê Lợi	Phạm Nguyễn Thảo	Uyên	9-8	TPHCM	21	6	2008	
17	Ngữ văn	THCS Lê Lợi	Lê Trần Duy	Anh	9-6	TPHCM	15	10	2008	
18	Ngữ văn	THCS Bàn Cờ	Nguyễn Phúc	Hân	9/4	TPHCM	3	5	2008	
19	Ngữ văn	THCS Lê Quý Đôn	Lê Đặng Kim	Ngân	9_10	TPHCM	13	11	2008	
20	Ngữ văn	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Bảo	Nghi	9_12	TPHCM	3	9	2008	
21	Ngữ văn	THCS Lê Lợi	Nguyễn Vũ Ngọc	Hân	9-8	TPHCM	20	6	2008	
22	Ngữ văn	THCS Lê Quý Đôn	Trần Nguyễn Gia	Hân	9_10	TPHCM	29	4	2008	
23	Tiếng Anh	THCS Kiến Thiết	Lê Cao Giáng	Ngọc	9A1	TPHCM	5	10	2008	
24	Tiếng Anh	THCS Lê Lợi	Nguyễn Duy	Khang	9-2	TPHCM	9	10	2008	
25	Tiếng Anh	THCS Lê Quý Đôn	Trịnh Tuấn	Hải	9_13	Hà Nội	16	1	2008	
26	Tiếng Anh	THCS Colette	Hà Tú	Anh	98	Hà Nội	19	10	2008	

1

STT	Môn	Tên trường	Họ lót	Tên	Lớp	Nơi sinh	Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	Ghi chú
27	Tiếng Anh	Quốc tế Á Châu	Nguyễn Anh	Quân	9/20	TPHCM	2	8	2008	
28	Tiếng Anh	THCS Colette	Trần Bùi Thụy	Anh	92	TPHCM	27	3	2008	
29	Tiếng Anh	THCS Bạch Đằng	Phan Bảo	Khánh	9A1	TPHCM	2	3	2008	
30	Tiếng Anh	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Đỉnh	Thiên	9_11	TPHCM	4	1	2008	
31	Tiếng Anh	THCS Đoàn Thị Điểm	Đặng Vân	Anh	9a1	TPHCM	14	5	2008	
32	Tiếng Anh	THCS Hai Bà Trưng	Vũ Anh	Khôi	9/11	TPHCM	13	2	2008	
33	Tiếng Anh	THCS Colette	Nguyễn Bá Phương	Quỳnh	94	TPHCM	26	1	2008	
34	Tiếng Anh	THCS Bàn Cờ	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	9/6	TPHCM	12	2	2008	
35	Tiếng Anh	THCS Lê Quý Đôn	Hoàng Thủy	Trúc	9_11	TPHCM	29	9	2008	
36	Tiếng Anh	Quốc tế Á Châu	Dương Thụy	Ân	9/20	TPHCM	9	7	2008	
37	Tiếng Anh	THCS Colette	Phạm Lê Quang	Hiếu	93	TPHCM	8	12	2008	
38	Tiếng Anh	THCS Lê Lợi	Lý Công Minh	Triết	9-2	TPHCM	9	1	2008	
39	Tiếng Anh	THCS Lê Quý Đôn	Trịnh Xuân	Trang	9_07	TPHCM	17	4	2008	
40	Tiếng Anh	THCS Colette	Phạm Vy	Anh	91	TPHCM	15	12	2008	
41	Tiếng Anh	THCS Colette	Trần Huỳnh Bảo	Khánh	91	TPHCM	5	9	2008	
42	Tiếng Anh	THCS Kiến Thiết	Vũ Quang	Lân	9A1	TPHCM	28	8	2008	
43	Tiếng Nhật	THCS Lê Quý Đôn	Phan Hải	Anh	9_14	TPHCM	14	12	2007	
44	Tiếng Nhật	THCS Lê Quý Đôn	Hà Ngọc Thanh	Thảo	9_14	TPHCM	25	4	2008	
45	Tiếng Nhật	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Hoàng Phương	Nhi	9_14	TPHCM	1	9	2008	
46	Tiếng Nhật	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Ngọc	Hà	9/11	TPHCM	25	11	2008	
47	Tiếng Nhật	THCS Hai Bà Trưng	Võ Minh	Huy	9/11	TPHCM	18	10	2008	
48	Tiếng Nhật	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Thanh Hải	Yến	9_14	TPHCM	24	6	2008	
49	Tiếng Nhật	THCS Lê Quý Đôn	Đoàn Hải	Vy	9_14	TPHCM	1	5	2008	
50	Tiếng Nhật	THCS Lê Quý Đôn	Đỗ Bảo	Phúc	9_14	TPHCM	7	3	2008	
51	Tiếng Nhật	THCS Lê Quý Đôn	Vũ Sơn	An	9_14	TPHCM	14	10	2008	
52	Tiếng Nhật	THCS Hai Bà Trưng	Phạm Quỳnh	Như	9/11	TPHCM	20	12	2008	
53	Tiếng Nhật	THCS Lê Quý Đôn	Trần Thủy Thiên	Băng	9_14	TPHCM	24	8	2008	
54	Tiếng Nhật	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Kim	Thành	9_14	TPHCM	5	2	2008	
55	Tiếng Nhật	THCS Lê Quý Đôn	Ngô Đoàn Phương	Thùy	9_14	TPHCM	8	8	2008	
56	Tiếng Nhật	THCS Lê Quý Đôn	Võ Trung	Kiên	9_14	TPHCM	13	2	2008	
57	Tiếng Nhật	THCS Lê Quý Đôn	Tô Hoàng Phương	Trang	9_14	TPHCM	31	10	2008	
58	Toán	THCS Hai Bà Trưng	Trần Danh	Quý	9/3	TPHCM	27	10	2008	

2

STT	Môn	Tên trường	Họ lót	Tên	Lớp	Nơi sinh	Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	Ghi chú
59	Toán	THCS Hai Bà Trưng	Đặng Minh	Khoa	9/9	TPHCM	10	4	2008	
60	Toán	THCS Hai Bà Trưng	Lê Anh	Khôi	9/11	TPHCM	3	8	2008	
61	Toán	THCS Đoàn Thị Điểm	Trần Hoàng Hải	Đăng	9a2	TPHCM	8	4	2008	
62	Toán	THCS Lê Quý Đôn	Võ Hồng Cẩm	Tú	9_08	TPHCM	21	9	2008	
63	Toán	THCS Colette	Nguyễn Tấn	Toàn	93	TPHCM	3	11	2008	
64	Toán	THCS Hai Bà Trưng	Bùi Quang	Thiện	9/10	TPHCM	27	11	2008	
65	Toán	THCS Bàn Cờ	Lê Huỳnh Phúc	Tâm	9/1	TPHCM	10	11	2008	
66	Toán	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Đức	Trí	9_11	Đà Nẵng	22	6	2008	
67	Toán	THCS Lê Quý Đôn	Trần Đăng Gia	Huy	9_02	TPHCM	10	3	2008	
68	Toán	THCS Colette	Nguyễn Ngọc Uyên	Trang	93	TPHCM	27	10	2008	
69	Toán	THCS Đoàn Thị Điểm	Nguyễn Hoàng	Long	9a3	TPHCM	12	6	2008	
70	Toán	THCS Đoàn Thị Điểm	Nguyễn Thiên	Phương	9a3	TPHCM	1	4	2008	
71	Toán	THCS Kiến Thiết	Lê Thanh	Duy	9A2	TPHCM	2	4	2008	
72	Toán	THCS Colette	Bùi Bảo	Trân	93	TPHCM	1	12	2008	
73	Toán	THCS Lê Quý Đôn	Từ Trường	Phước	9_11	TPHCM	22	1	2008	
74	Toán	THCS Bàn Cờ	Ngô Nhật	Huy	9/1	TPHCM	2	2	2008	
75	Toán	THCS Phan Sào Nam	Hoàng Lưu Yến	Như	9A1	TPHCM	26	6	2008	
76	Toán	THCS Đoàn Thị Điểm	Nguyễn Minh	Tú	9a9	TPHCM	21	6	2008	
77	Toán	THCS Bàn Cờ	Vũ Ngọc Thanh	Vy	9/3	TPHCM	14	4	2008	
78	Vật Lý	THCS Lê Quý Đôn	Trần Quang	Minh	9_11	TPHCM	6	3	2008	
79	Vật Lý	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Việt Nam	Khánh	9/9	TPHCM	22	4	2008	
80	Vật Lý	THCS Lê Quý Đôn	Lâm Bảo	Hy	9_12	TPHCM	27	2	2008	
81	Vật Lý	THCS Bạch Đằng	Nguyễn Khánh	Ngọc	9A1	TPHCM	15	4	2008	
82	Vật Lý	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Tùng	Lâm	9_04	TPHCM	22	8	2008	
83	Vật Lý	THCS Lê Quý Đôn	Trần Nhật	Minh	9_01	TPHCM	5	12	2008	
84	Vật Lý	THCS Bàn Cờ	Nguyễn Đức	Thuận	9/1	TPHCM	23	4	2008	
85	Vật Lý	THCS Hai Bà Trưng	Lê Tuấn	Hùng	9/9	TPHCM	18	11	2008	
86	Vật Lý	THCS Bàn Cờ	Trần Minh	Huy	9/1	TPHCM	10	2	2008	
87	Vật Lý	THCS Bàn Cờ	Phan Thị Thu	Hà	9/3	TPHCM	12	8	2008	
88	Vật Lý	THCS Lê Quý Đôn	Vũ Ngọc Phương	Linh	9_01	TPHCM	16	7	2008	
89	Vật Lý	THCS Colette	Hoàng Gia	Đăng	93	TPHCM	31	10	2008	
90	Vật Lý	THCS Colette	Lưu Ngọc	Bích	93	TPHCM	23	5	2008	

STT	Môn	Tên trường	Họ lót	Tên	Lớp	Nơi sinh	Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	Ghi chú
91	Vật Lý	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Xuân Nhật	Anh	9/8	TPHCM	18	6	2008	
92	Vật Lý	THCS Hai Bà Trưng	Huỳnh Mai Minh	Đăng	9/2	TPHCM	1	5	2008	
93	Vật Lý	THCS Colette	Lê Khôi	Vỹ	93	TPHCM	8	5	2008	
94	Vật Lý	THCS Phan Sào Nam	Đinh Danh	Ngọc	9A1	TPHCM	20	11	2008	
95	Vật Lý	THCS Đoàn Thị Điểm	Đinh Lê Phương	Nhi	9a1	TPHCM	9	8	2008	
96	Vật Lý	THCS Lê Quý Đôn	Đỗ Minh	Triết	9_12	TPHCM	26	1	2008	
97	Vật Lý	THCS Lê Quý Đôn	Trần Ngọc Như	Vy	9_06	TPHCM	2	5	2008	

Tổng cộng danh sách có 97 học sinh.

Quận 3, ngày 18 tháng 11 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Phạm Đăng Khoa

LỊCH HỌC BỒI DƯỠNG THEO LỊCH CHUNG CỦA QUẬN - THỜI GIAN BẮT ĐẦU TỪ NGÀY 21/11/2022

TT	Môn	Thời gian	Địa điểm học
1	Toán học	Từ 14g00 đến 16g30 thứ Hai và thứ Tư	Trường THCS Lê Quý Đôn (152 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, Quận 3)
2	Vật lý	Từ 13g30 đến 16g00 thứ Tư và thứ Năm	Trường THCS Lê Quý Đôn (152 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, Quận 3)
3	Ngữ văn	Từ 14g00 đến 16g00 thứ Ba và thứ Sáu	Trường THCS Hai Bà Trưng (295 Hai Bà Trưng, phường Võ Thị Sáu, Quận 3)
4	Tiếng Anh	Từ 15g00 đến 16g30 thứ Hai	Trường THCS Bạch Đằng (386/42 Lê Văn Sĩ, Phường 14, Q3)
		Từ 14g00 đến 15g30 thứ Sáu	Trường THCS Lê Quý Đôn (152 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, Quận 3)
5	Tiếng Nhật	Từ 13g30 đến 15g00 thứ Sáu	Trường THCS Lê Quý Đôn (152 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, Quận 3)

4